

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Lý Vương	Thảo	KQH012587	4	37.00	1.5	39.00
2	Dương Thị Bảo	Châu	SPH002228	4	36.00	0.5	36.67
3	Nguyễn An	Giang	SPH004532	3	36.00		36.00
4	Bùi Hà	Phương	TLA010880	3	35.75		35.75
5	Phạm Hằng	Nga	SPH012206	4	35.50		35.50
6	Hoàng Khánh	Linh	THP008243	4	34.75	0.5	35.42
7	Bùi Thị Thùy	Dung	SPH002977	4	34.75	0.5	35.42
8	Nguyễn Văn	Chính	HVN001255	4	34.75	0.5	35.42
9	Lê	Na	TDV019798	4	34.75	0.5	35.42
10	Phạm Thị Việt	Nhân	HHA010414	4	35.00		35.00
11	Phan Hoài	Thu	TLA013199	4	34.25	0.5	34.92
12	Nguyễn Văn	Thanh	HVN009361	4	34.25	0.5	34.92
13	Nguyễn Hữu	Bách	TDV002014	4	34.25	0.5	34.92
14	Lưu Thanh	Thủy	KHA009796	4	34.75		34.75
15	Lê Tú	Quỳnh	SPH014494	4	32.75	1.5	34.75
16	Trần Hoàng	Anh	SPH001483	4	34.75		34.75
17	Phạm Ngọc	Anh	THV000586	2	32.75	1.5	34.75
18	Hà Thanh	Huyền	YTB009911	4	34.00	0.5	34.67
19	Vương Thị Ngọc	Mai	KQH008869	4	34.00	0.5	34.67
20	Doãn Nhật	Linh	TLA007637	4	34.50		34.50
21	Vương Nguyễn Hoàng	Yến	LNH011034	4	32.50	1.5	34.50
22	Vũ Thị Ngọc	Mai	THV008481	4	32.50	1.5	34.50
23	Lại Thị Ngọc	Mai	SPH010980	3	34.50		34.50
24	Nguyễn Thị	Phượng	TLA011186	3	33.50	0.5	34.17
25	Đinh Thị Thu	Giang	HDT006217	2	29.50	3.5	34.17
26	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007932	4	34.00		34.00
27	Trần Thùy	Linh	TND014820	4	32.00	1.5	34.00
28	Nghiêm Thị Lan	Hương	HHA006797	1	32.00	1.5	34.00
29	Nguyễn Bích	Thủy	BKA012656	4	33.25	0.5	33.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Phạm Thị Việt	Hà	YTB006150	4	33.00	0.5	33.67
31	Phạm Thị	Quỳnh	BKA011121	4	33.00	0.5	33.67
32	Trịnh Thị	Hương	KQH006815	4	33.00	0.5	33.67
33	Trần Khánh	Trình	TDV033555	4	33.00	0.5	33.67
34	Nguyễn Thị	Hạnh	TLA004432	2	33.00	0.5	33.67
35	Nguyễn Thị Thúy	Vân	SPH019290	4	33.50		33.50
36	Nguyễn Thảo	Nguyên	HHA010294	4	32.75	0.5	33.42
37	Nguyễn Thị Huyền	Trang	TDV032551	4	32.75	0.5	33.42
38	Bùi Thanh	Sơn	HDT021540	4	32.75	0.5	33.42
39	Bùi Thế	Cảnh	DCN001073	2	32.75	0.5	33.42
40	Chu Thị Huyền	Bông	SPH002150	4	32.00	1.0	33.33
41	Nguyễn Thị Xong	Ngân	THV009303	4	30.00	2.5	33.33
42	Lê Kiều	Minh	TLA009169	4	33.25		33.25
43	Đỗ Thị Linh	Chi	SPH002343	4	33.25		33.25
44	Trần Thị Mỹ	Linh	BKA007823	4	33.25		33.25
45	Nguyễn Thị Thảo	Duyên	TQU001001	3	31.25	1.5	33.25
46	Đoàn Thị Ngọc	Mai	TSN008875	3	31.25	1.5	33.25
47	Lưu Thu	Trang	THV013776	3	31.25	1.5	33.25
48	Bùi Thị Vũ	Hoa	THV004696	3	31.25	1.5	33.25
49	Phan Hoàng	Nam	SPH012017	2	33.25		33.25
50	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	SPH011408	1	33.25		33.25
51	Nguyễn Mỹ	Linh	TLA007965	1	33.25		33.25
52	Trần Thị Ngọc	Ly	BKA008349	4	32.50	0.5	33.17
53	Lê Thị Quỳnh	Hoa	HDT009228	4	32.50	0.5	33.17
54	Trần Thị Linh	Diệp	TND003502	3	28.50	3.5	33.17
55	Đặng Khánh	Huyền	BKA005936	2	32.50	0.5	33.17
56	Chu Thuỳ	Dương	TND004462	3	31.75	1.0	33.08
57	Trần Ngọc	Linh	BKA007800	4	33.00		33.00
58	Lê Tú	Anh	BKA000358	2	33.00		33.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Vương Phương	Anh	KQH000789	4	32.25	0.5	32.92
60	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	YTB018425	4	32.25	0.5	32.92
61	Nguyễn Thúy	Quỳnh	SPH014554	4	32.25	0.5	32.92
62	Nguyễn Thị	Trang	KQH014653	4	32.25	0.5	32.92
63	Vũ Thu	Hiền	HHA004696	3	32.25	0.5	32.92
64	Nguyễn Thị Bảo	Thoa	TLA013067	3	32.25	0.5	32.92
65	Nguyễn Thị	Huyền	HVN004671	4	31.50	1.0	32.83
66	Phạm Hồng	Nhung	SPH013150	4	32.75		32.75
67	Vũ Thùy	Dung	SPH003127	3	32.75		32.75
68	Bùi Thanh	Hằng	SPH005516	3	32.75		32.75
69	Nguyễn Quang	Hưng	THV006048	4	28.00	3.5	32.67
70	Đỗ Thị	Hường	TND012119	4	32.00	0.5	32.67
71	Vũ Thị Phương	Nhung	KQH010404	4	32.00	0.5	32.67
72	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TDV022430	3	32.00	0.5	32.67
73	Nguyễn Hồng	Hạnh	HHA004201	1	32.00	0.5	32.67
74	Dương Việt	Trình	KHA010663	4	32.50		32.50
75	Đào Trọng	Nghĩa	TND017678	4	30.50	1.5	32.50
76	Vũ Thị Phương	Thảo	SPH015859	3	32.50		32.50
77	Nguyễn Bảo	Châu	TTB000517	3	30.50	1.5	32.50
78	Hoàng Hạnh Minh	Châu	YTB002177	4	31.75	0.5	32.42
79	Nguyễn Thị	Thủy	THP014363	4	31.75	0.5	32.42
80	Vũ Diệu	Linh	KHA005954	4	31.75	0.5	32.42
81	Nguyễn Thị Hương	Trà	TND025963	4	31.75	0.5	32.42
82	Hoàng Ngọc	Phong	TND019519	4	27.75	3.5	32.42
83	Nguyễn Thu	Hiền	TND007968	3	31.75	0.5	32.42
84	Lê Thị Ngọc	ánh	SPH001763	4	32.25		32.25
85	Nguyễn Thị Khánh	Linh	TLA008029	4	32.25		32.25
86	Nguyễn Thu	Hằng	SPH005682	4	32.25		32.25
87	Hoàng Thu	Hương	THV006154	4	30.25	1.5	32.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Trần Hải	Nam	THV009056	4	30.25	1.5	32.25
89	Đoàn Thị Hồng	Chinh	HHA001668	4	30.25	1.5	32.25
90	Nguyễn Thị Huệ	Chi	TDV002941	4	30.25	1.5	32.25
91	Trần Ngọc Lam	Giang	SPH004667	4	32.25		32.25
92	Nguyễn Ngọc	Linh	SPH009831	3	32.25		32.25
93	Nguyễn Hoàng Chi	Mai	TLA008915	3	32.25		32.25
94	Vũ Thanh	Huyền	TTB002867	2	30.25	1.5	32.25
95	Vũ Khánh	Linh	SPH010244	1	32.25		32.25
96	Nguyễn Thị	Ngân	SPH012307	1	32.25		32.25
97	Bùi Thị Hải	Anh	TLA000128	4	31.50	0.5	32.17
98	Nguyễn Thị Hải	Yến	HVN012514	4	31.50	0.5	32.17
99	Vũ Trường	Anh	TLA001373	4	31.50	0.5	32.17
100	Đỗ Thùy	Linh	TDV016293	4	31.50	0.5	32.17
101	Đoàn Trúc	Phượng	HHA011074	4	31.50	0.5	32.17
102	Lê Đặng Việt	Mỹ	BKA008907	4	31.50	0.5	32.17
103	Nguyễn Thị Kim	Ngân	SPH012301	3	31.50	0.5	32.17
104	Bạch Thị	Nga	SPH012090	2	30.75	1.0	32.08
105	Phạm Xuân	Trường	SPH018261	4	32.00		32.00
106	Trần Thùy	Linh	KHA005936	4	32.00		32.00
107	Nguyễn Thu	Trang	TLA014185	4	32.00		32.00
108	Bùi Thọ	Kiên	SPH008873	4	32.00		32.00
109	Nguyễn Quỳnh	Anh	SPH000949	3	32.00		32.00
110	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	TLA008062	2	30.00	1.5	32.00
111	Vũ Phương	Hà	LNH002604	2	30.00	1.5	32.00
112	Tạ Thị Hồng	Hải	TND006773	4	31.25	0.5	31.92
113	Trần Thị Thu	Trang	BKA013643	4	31.25	0.5	31.92
114	Nguyễn Thị Hà	Nhi	HVN007738	4	31.25	0.5	31.92
115	Ngô Thị Ngọc	Trâm	YTB023242	4	31.25	0.5	31.92
116	Vũ Thị Phương	Thảo	KHA009261	4	31.25	0.5	31.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Lã Thị	Trang	TND026228	4	27.25	3.5	31.92
118	Nguyễn Hồng	Phượng	THV010629	4	31.25	0.5	31.92
119	Trịnh Thị Diệu	Linh	HDT014905	3	31.25	0.5	31.92
120	Vũ Diệu	Linh	HDT014967	3	27.25	3.5	31.92
121	Nguyễn Như Thái	Linh	DCN006383	3	31.25	0.5	31.92
122	Nguyễn Thị ái	Lành	TDV015722	3	31.25	0.5	31.92
123	Nguyễn Thủy	Tiên	HVN010607	3	31.25	0.5	31.92
124	Phạm Thu	Phượng	BKA010497	2	31.25	0.5	31.92
125	Phạm Hồng	Nhung	HVN007875	4	30.50	1.0	31.83
126	Vũ Thị Kiều	Diễm	KHA001544	4	30.50	1.0	31.83
127	Nguyễn Thị	Trang	HDT026950	4	30.50	1.0	31.83
128	Lương Việt	Trình	YTB023328	4	30.50	1.0	31.83
129	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	THP012340	3	30.50	1.0	31.83
130	Thái Thị	Hạnh	TDV008689	2	30.50	1.0	31.83
131	Dương Thị	Thảo	TND022829	2	30.50	1.0	31.83
132	Trần Thị Thu	Hoa	SPH006597	4	31.75		31.75
133	Nguyễn Thục	Anh	BKA000656	4	31.75		31.75
134	Phạm Phương	Anh	SPH001334	4	31.75		31.75
135	Nguyễn Thùy	Linh	SPH009993	4	31.75		31.75
136	Phạm Quỳnh	Trang	THV013949	4	29.75	1.5	31.75
137	Bùi Thu	Trang	SPH017271	3	31.75		31.75
138	Hoàng Lệ	Quyên	SPH014338	3	31.75		31.75
139	Trần Ngọc	Anh	SPH001508	3	31.75		31.75
140	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	TLA000891	3	31.75		31.75
141	Nguyễn Thành	Công	SPH002680	2	31.75		31.75
142	Lưu Thảo	Dương	TLA002961	1	29.75	1.5	31.75
143	Phạm Lê Ngọc	Mai	THP009258	4	31.00	0.5	31.67
144	Phùng Thị Quỳnh	Trang	SPH017766	4	31.00	0.5	31.67
145	Nguyễn Diệu	Hoa	THV004742	4	27.00	3.5	31.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Hoàng Hồng	Nga	TND017306	4	27.00	3.5	31.67
147	Lê Thị	Hương	TLA006701	4	31.00	0.5	31.67
148	Nguyễn Mạnh	Trí	THV014070	3	31.00	0.5	31.67
149	Bùi Mai	Anh	BKA000082	3	31.00	0.5	31.67
150	Sần Thành	Nam	THV009047	2	27.00	3.5	31.67
151	Trần Vũ Thanh	Tâm	YTB019066	3	30.25	1.0	31.58
152	Trần Huệ	Trình	YTB023359	3	30.25	1.0	31.58
153	Phan Như	Quỳnh	SPH014564	3	30.25	1.0	31.58
154	Dương Thị Thùy	Linh	THV007274	4	29.50	1.5	31.50
155	Ngô Minh	Quân	TLA011350	4	31.50		31.50
156	Nguyễn Thúy	Hằng	THV004109	4	29.50	1.5	31.50
157	Đình Hương	Giang	HDT006211	4	29.50	1.5	31.50
158	Vũ Minh	Anh	TLA001342	4	31.50		31.50
159	Phạm Nguyễn Quang	Minh	SPH011497	4	31.50		31.50
160	Trần Văn	Anh	TLA001282	4	31.50		31.50
161	Lê Hương	Giang	TLA003824	4	31.50		31.50
162	Nguyễn Văn	San	THV011224	4	29.50	1.5	31.50
163	Nguyễn Thanh	Nhàn	HDT018431	3	29.50	1.5	31.50
164	Lê Thị Ngọc	Hồng	HDT010096	3	29.50	1.5	31.50
165	Tăng Hoàng	Minh	BKA008740	2	31.50		31.50
166	Trần Thị	Quỳnh	YTB018449	4	30.75	0.5	31.42
167	Phan Thanh	Trà	DCN011602	4	30.75	0.5	31.42
168	Trần Vũ Thùy	Trang	THP015430	3	30.75	0.5	31.42
169	Tăng Văn	Hiện	KQH004702	2	30.75	0.5	31.42
170	Nguyễn Ngọc	Phương	HHA011152	2	30.75	0.5	31.42
171	Phạm Thị Thùy	Linh	KHA005873	4	30.00	1.0	31.33
172	Nguyễn Phương	Thảo	SPH015691	2	30.00	1.0	31.33
173	Nguyễn Thúy	Hạnh	SPH005408	4	31.25		31.25
174	Nguyễn Trần Thảo	My	BKA008874	4	31.25		31.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Lê Trâm	Anh	SPH000560	4	31.25		31.25
176	Trịnh Thu	Phượng	HHA011291	4	31.25		31.25
177	Trần Hải	Nam	SPH012045	4	31.25		31.25
178	Vũ Thị Trà	My	HHA009423	3	31.25		31.25
179	Phi Quang	Khải	THV006494	3	29.25	1.5	31.25
180	Trần Khánh	Linh	SPH010153	2	31.25		31.25
181	Ngô Trang	Linh	SPH009686	2	31.25		31.25
182	Trần Hưng	Phúc	TDV023636	4	30.50	0.5	31.17
183	Cần Thị Thu	Trang	DCN011626	4	30.50	0.5	31.17
184	Tổng Kiên	Định	TDV006338	3	30.50	0.5	31.17
185	Phạm Thúy	Hiền	HDT008614	3	30.50	0.5	31.17
186	Mai Thị	Lệ	DHU010633	3	30.50	0.5	31.17
187	Trịnh Thị Thu	Thuỷ	KQH013541	3	30.50	0.5	31.17
188	Bùi Hải	Công	TLA002126	2	28.50	2.0	31.17
189	Nguyễn Thị Hồng	Vân	THP016599	1	30.50	0.5	31.17
190	Hoàng Thị Thanh	Ngọc	TDV021093	4	29.75	1.0	31.08
191	Nông Đức	Minh	SPH011485	4	29.75	1.0	31.08
192	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	YTB000867	4	29.75	1.0	31.08
193	Đỗ Tiến	Diễn	SPH002923	3	29.75	1.0	31.08
194	Trần Quốc	Lượng	KQH008562	3	29.75	1.0	31.08
195	Đào Thị Thu	Huyền	TDV013257	4	29.00	1.5	31.00
196	Nguyễn Thanh	Loan	SPH010336	4	31.00		31.00
197	Phạm Thị Linh	Phượng	TDV024119	4	29.00	1.5	31.00
198	Doãn Ngọc	ánh	TTB000304	4	29.00	1.5	31.00
199	Phạm Thủy	Tiên	THV013353	4	29.00	1.5	31.00
200	Phan Thị	Minh	HHA009267	4	31.00		31.00
201	Đỗ Huy	Khôi	SPH008831	4	31.00		31.00
202	Lê Thị	Thủy	TDV030364	4	29.00	1.5	31.00
203	Đặng Việt	Hà	HHA003669	4	31.00		31.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Đỗ Hà	Linh	TLA007647	3	31.00		31.00
205	Phan Thị Nguyên	Anh	TTN000582	3	29.00	1.5	31.00
206	Phạm Mạnh	Hùng	TLA006606	1	31.00		31.00
207	Phạm Thị Hải	Anh	THV000595	1	29.00	1.5	31.00
208	Đỗ Thị Phương	Mai	THV008359	4	30.25	0.5	30.92
209	Trần Đức	Hiếu	YTB008052	4	30.25	0.5	30.92
210	Đặng Thị	Lợi	TDV017873	4	30.25	0.5	30.92
211	Nguyễn Thị Phương	Thảo	DHU021291	4	30.25	0.5	30.92
212	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	THP006590	4	29.50	1.0	30.83
213	Ngô Phương Thanh	Thủy	THP014329	1	29.50	1.0	30.83
214	Trần Thị	Tú	TTB007037	4	28.75	1.5	30.75
215	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005916	4	28.75	1.5	30.75
216	Lê Thị Bằng	Giang	TQU001305	4	28.75	1.5	30.75
217	Đỗ Thị Mỹ	Linh	THV007289	4	28.75	1.5	30.75
218	Phùng Linh	Trang	THV013973	4	28.75	1.5	30.75
219	Dương Ngọc	Lan	TTN009134	4	28.75	1.5	30.75
220	Hoàng Hồng	Hạnh	TQU001535	4	28.75	1.5	30.75
221	Hoàng Thảo	Linh	SPH009555	3	30.75		30.75
222	Trần Thạch	Thảo	SPH015832	3	30.75		30.75
223	Nguyễn Diệu	Anh	TND000596	3	28.75	1.5	30.75
224	Tạ Hoàng	Hà	TLA004182	3	30.75		30.75
225	Lê Thùy	Dương	KHA002017	3	30.75		30.75
226	Nguyễn Kiều	Trinh	TLA014415	3	30.75		30.75
227	Ngô Thu	Uyên	SPH019146	3	30.75		30.75
228	Tô Thị Xuân	Thanh	TLA012242	2	30.75		30.75
229	Nguyễn Đào Phương	Linh	TLA007906	2	30.75		30.75
230	Nguyễn Hà	Linh	TLA007912	1	30.75		30.75
231	Bùi Thị	Dung	HVN001590	4	30.00	0.5	30.67
232	Trần Minh	Diễm	BKA001980	4	30.00	0.5	30.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Dương Mai	Ngọc	DHU014355	4	30.00	0.5	30.67
234	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TND007953	4	30.00	0.5	30.67
235	Nguyễn Thị Thu	Đông	TND005377	3	30.00	0.5	30.67
236	Trần Thị Ngọc	ánh	KQH000928	3	30.00	0.5	30.67
237	Hà Thị Ngọc	Mai	THV008379	3	30.00	0.5	30.67
238	Vũ Thu	Trang	KQH014312	3	30.00	0.5	30.67
239	Nguyễn Thị Thùy	Trang	HVN011094	2	30.00	0.5	30.67
240	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	DCN011643	1	30.00	0.5	30.67
241	Đoàn Thị	Nhàn	THP010693	4	29.25	1.0	30.58
242	Bùi Thị Mai	Phượng	YTB017127	4	29.25	1.0	30.58
243	Nguyễn Kiều	Anh	SPH000799	4	30.50		30.50
244	Nguyễn Thảo	My	THV008838	4	28.50	1.5	30.50
245	Phạm Thị	Lam	TTB003296	4	28.50	1.5	30.50
246	Điền Thị Thúy	Hằng	HDT007776	4	28.50	1.5	30.50
247	Nguyễn Việt	Khánh	SPH008763	4	30.50		30.50
248	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	TTB000061	4	28.50	1.5	30.50
249	Vũ Nguyễn Hải	Đường	BKA003385	4	30.50		30.50
250	Nguyễn Thị Hà	An	THP000039	4	30.50		30.50
251	Vũ Phượng	Thảo	SPH015853	4	30.50		30.50
252	Nguyễn Thuý	Linh	KHA005802	3	30.50		30.50
253	Đặng Thị Vân	Anh	THV000152	3	28.50	1.5	30.50
254	Trần Cao ánh	Dương	HHA002782	3	30.50		30.50
255	Lê Diệp	Anh	TLA000385	3	30.50		30.50
256	Nguyễn Thị Minh	Hương	TTB002990	3	28.50	1.5	30.50
257	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	2	28.50	1.5	30.50
258	Lê Thị Thu	Trang	HHA014537	2	30.50		30.50
259	Dương Diễm	Quỳnh	SPH014436	2	30.50		30.50
260	Nguyễn Nguyệt	ánh	SPH001794	2	30.50		30.50
261	Vũ Hồ Diệu	Linh	TLA008344	1	30.50		30.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Bùi Tú	Anh	DCN000078	4	29.75	0.5	30.42
263	Vũ Thanh	Hương	HHA006977	4	29.75	0.5	30.42
264	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	4	25.75	3.5	30.42
265	Phan Cẩm	Tú	TTB007032	4	25.75	3.5	30.42
266	Phạm Thị Hồng	Ngọc	HDT018109	4	29.75	0.5	30.42
267	Vũ Đức	Minh	HVN006893	3	29.75	0.5	30.42
268	Nguyễn Lê Diệu	Linh	DCN006370	2	29.75	0.5	30.42
269	Nguyễn Hoàng Minh	Thảo	HHA012895	2	29.75	0.5	30.42
270	Bạch Thị Sao	Mai	KQH008697	1	25.75	3.5	30.42
271	Phạm Thị Hoàng	Phương	YTB017412	4	29.00	1.0	30.33
272	Phạm Thị	Hoa	YTB008292	3	29.00	1.0	30.33
273	Nguyễn Thị	Quỳnh	HHA011806	2	29.00	1.0	30.33
274	Cao Hà	Linh	TTN009637	4	28.25	1.5	30.25
275	Ngô Thị Thùy	Linh	HHA007982	4	30.25		30.25
276	Nguyễn Thị Mai	Hương	LNH004539	4	28.25	1.5	30.25
277	Đình Ngọc	ánh	HDT001748	4	28.25	1.5	30.25
278	Lê Thị Mỹ	Hà	TND006248	4	28.25	1.5	30.25
279	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	SPH012598	4	30.25		30.25
280	Ngô Thu	Hiền	SPH005905	3	30.25		30.25
281	Vũ Hoàng	Minh	SPH011569	3	30.25		30.25
282	Phạm Thị Phương	Anh	SPH001370	3	30.25		30.25
283	Phương Hoàng Tú	Lam	TLA007315	3	30.25		30.25
284	Trần Ngọc	Minh	HHA009313	3	30.25		30.25
285	Hoàng Thị Kim	Anh	HDT000432	2	28.25	1.5	30.25
286	Nguyễn Quang	Quyên	SPH014377	2	30.25		30.25
287	Bùi Hải	Yến	LNH010934	4	25.50	3.5	30.17
288	Trần Lê	Minh	HDT016703	4	29.50	0.5	30.17
289	Triệu Thùy	Linh	TND014767	4	25.50	3.5	30.17
290	Nguyễn Thị	Ly	DCN007040	4	29.50	0.5	30.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Vũ ánh	Nguyệt	TDV021765	4	29.50	0.5	30.17
292	Vi Ngọc	Diệp	TND003504	2	25.50	3.5	30.17
293	Phạm Thị Thục	Anh	HHA000838	2	29.50	0.5	30.17
294	Đàm Minh	Hằng	DCN003372	2	29.50	0.5	30.17
295	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	LNH006690	2	29.50	0.5	30.17
296	Phạm Ngọc	Anh	LNH000515	1	25.50	3.5	30.17
297	Phạm Thị Hải	Yến	TDV037071	1	29.50	0.5	30.17
298	Đặng Thị	Nhạn	TND018553	4	28.75	1.0	30.08
299	Phạm Thị Thúy	Ngân	HDT017684	4	28.75	1.0	30.08
300	Bùi Thị Hồng	Nhung	THV009833	4	28.75	1.0	30.08
301	Lê Minh	Hằng	YTB006958	4	28.75	1.0	30.08
302	Nguyễn Thị Hương	Giang	KQH003390	4	28.75	1.0	30.08
303	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	DCN006443	4	28.75	1.0	30.08
304	Phạm Thị Thảo	Ngọc	KHA007304	3	28.75	1.0	30.08
305	Bùi Thị Phương	Anh	YTB000159	3	28.75	1.0	30.08
306	Ngô Thị Phương	Ngân	BKA009268	2	28.75	1.0	30.08
307	Trương Thị	Vi	TDV035985	1	28.75	1.0	30.08
308	Đỗ Thị	Thảo	HDT023065	1	28.75	1.0	30.08
309	Nguyễn Hồng	Anh	SPH000758	4	30.00		30.00
310	Trịnh Khánh	Linh	THV007807	4	28.00	1.5	30.00
311	Lê Đức	Anh	HDT000506	4	28.00	1.5	30.00
312	Phạm Thùy	Dung	NLS001628	4	28.00	1.5	30.00
313	Nguyễn Thu	Yến	TLA015935	4	30.00		30.00
314	Cao Thị Phương	Loan	SPH010280	3	30.00		30.00
315	Võ Hiền	Anh	KHA000732	3	30.00		30.00
316	Nguyễn Trà	My	TLA009455	3	30.00		30.00
317	Nguyễn Thị Sao	Mai	DHU012758	3	28.00	1.5	30.00
318	Lê Hồng	Anh	HDT000525	3	28.00	1.5	30.00
319	Lê Võ Thủy	Tiên	TLA013596	2	30.00		30.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Phan Thị Ly	Na	TDV019838	2	28.00	1.5	30.00
321	Phan Thùy	Dung	DCN001755	4	29.25	0.5	29.92
322	Tô Thị Hương	Ly	TQU003485	4	25.25	3.5	29.92
323	Đặng Thu	Trang	KQH014403	4	29.25	0.5	29.92
324	Lê Thị Thúy	Hằng	DCN003409	4	29.25	0.5	29.92
325	Vũ Thị Minh	Anh	THP000955	4	29.25	0.5	29.92
326	Ngô Huy Quang	Minh	DCN007382	3	29.25	0.5	29.92
327	Phan Bảo	Ngọc	HHA010187	3	29.25	0.5	29.92
328	Văn Thị	Ngọc	KQH009999	3	29.25	0.5	29.92
329	Phùng Thị Minh	Phượng	SPH013966	3	29.25	0.5	29.92
330	Nguyễn Thị Huyền	Anh	TDV000924	2	29.25	0.5	29.92
331	Trần Thị Cẩm	Tú	THP015924	2	29.25	0.5	29.92
332	Trần Thị Thùy	Dương	BKA002657	2	29.25	0.5	29.92
333	Phan Thị Thu	Hoài	TDV011421	4	28.50	1.0	29.83
334	Trần Thị Hải	Yến	DCN013484	4	28.50	1.0	29.83
335	Phạm Thị	Thương	HDT025575	4	28.50	1.0	29.83
336	Nguyễn Tuấn	Anh	HDT001273	4	28.50	1.0	29.83
337	Lê Thị Thúy	Hòa	BKA005047	4	28.50	1.0	29.83
338	Lê Thị Thuỳ	Dương	HDT004836	3	28.50	1.0	29.83
339	Hoàng Thị	Nguyệt	HDT018283	3	28.50	1.0	29.83
340	Vũ Thị Thanh	Thắng	KQH013005	2	28.50	1.0	29.83
341	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	TLA015918	4	27.75	1.5	29.75
342	Ngô Thị Khánh	Quỳnh	TLA011601	4	29.75		29.75
343	Đoàn Hồng	Nhung	HDT018685	4	27.75	1.5	29.75
344	Nguyễn Phương	Thanh	THV011883	4	27.75	1.5	29.75
345	Nguyễn Thanh	Long	SPH010489	4	29.75		29.75
346	Nguyễn Bảo	Ngọc	DHU014489	4	27.75	1.5	29.75
347	Đỗ Minh	Anh	SPH000210	4	29.75		29.75
348	Huỳnh Phương	Ngân	KHA007040	3	29.75		29.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Nguyễn Hoàng Nhật	Linh	TLA007928	3	29.75		29.75
350	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	HHA010177	3	29.75		29.75
351	Nguyễn Thùy	Linh	SPH009994	3	29.75		29.75
352	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012533	2	29.75		29.75
353	Đào Tường	Chi	SPH002348	1	29.75		29.75
354	Trần Thị Hương	Thơm	THP014004	4	29.00	0.5	29.67
355	Nguyễn Bảo	Ngọc	DCN008081	4	29.00	0.5	29.67
356	Dương Việt	Hà	TND006128	3	25.00	3.5	29.67
357	Hoàng Thùy	Linh	HDT013996	2	29.00	0.5	29.67
358	Đậu Phương	Thảo	TDV027962	2	29.00	0.5	29.67
359	Lương Bảo	Thái	TTB005622	2	25.00	3.5	29.67
360	Lê Thị Diệp	ánh	HVN000787	1	29.00	0.5	29.67
361	Chu Thị	Quỳnh	TDV025293	4	28.25	1.0	29.58
362	Đinh Hoàng	Lộc	TLA008601	4	28.25	1.0	29.58
363	Lê Quỳnh	Chi	TDV002898	2	28.25	1.0	29.58
364	Đỗ Ngọc Thuỷ	Dương	KHA001994	4	29.50		29.50
365	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	HHA001145	4	29.50		29.50
366	Vũ Thị Bích	Ngọc	TND018181	4	27.50	1.5	29.50
367	Nghiêm Thị	Thơ	SPH016236	4	29.50		29.50
368	Lê Khánh	Linh	HDT014051	4	27.50	1.5	29.50
369	Chu Tuệ	Anh	SPH000174	4	29.50		29.50
370	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001107	4	29.50		29.50
371	Đào Mai	Trang	BKA013308	4	29.50		29.50
372	Nguyễn Thị Trâm	Anh	KHA000487	3	29.50		29.50
373	Nguyễn Thu	Thảo	TND023221	3	27.50	1.5	29.50
374	Phạm Thị Thanh	Hương	TLA006819	3	29.50		29.50
375	Nguyễn Phương	Hà	SPH004882	3	29.50		29.50
376	Trần Anh	Thư	SPH016857	3	29.50		29.50
377	Nguyễn Anh	Quân	THV010830	1	27.50	1.5	29.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Nguyễn Trà	My	HVN006955	1	29.50		29.50
379	Lê Thị	Hoài	TDV011277	4	28.75	0.5	29.42
380	Phạm Thị Phương	Lan	TLA007396	4	28.75	0.5	29.42
381	Vũ Thị Thùy	Tiên	KHA010043	4	28.75	0.5	29.42
382	Nguyễn Thúy	Ngọc	LNH006708	4	24.75	3.5	29.42
383	Phạm Thị Ngọc	Huyền	HUI006171	4	28.75	0.5	29.42
384	Vũ Khánh	Linh	HVN006139	3	28.75	0.5	29.42
385	Lê Hoàng Yến	Nhi	HDT018560	3	28.75	0.5	29.42
386	Lục Quốc	Huy	THV005589	3	24.75	3.5	29.42
387	Bùi Khánh	Linh	HHA007761	3	28.75	0.5	29.42
388	Vũ Thị	Xuân	THP017019	2	28.75	0.5	29.42
389	Nguyễn Mai	Anh	BKA000505	1	28.75	0.5	29.42
390	Mai Thị	Hằng	KQH004245	4	28.00	1.0	29.33
391	Phan Cẩm	Tú	HVN011598	4	28.00	1.0	29.33
392	Đào Thị Bích	Phương	YTB017178	4	28.00	1.0	29.33
393	Lê Thị Lan	Hương	HDT012130	3	28.00	1.0	29.33
394	Trần Thị Huyền	Trang	KQH014760	3	28.00	1.0	29.33
395	Trần Thị	Trang	YTB023140	3	28.00	1.0	29.33
396	Lê Minh	Nguyệt	TDV021670	3	28.00	1.0	29.33
397	Bùi Thị Kim	Dung	YTB003465	2	28.00	1.0	29.33
398	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	HHA004387	1	28.00	1.0	29.33
399	Trần Tiến	Đạt	SPH003993	4	29.25		29.25
400	Trương ánh	Mai	TND016104	4	27.25	1.5	29.25
401	Phạm Thị Nam	Phương	HHA011250	4	29.25		29.25
402	Trần Minh	Khải	SPH008622	4	29.25		29.25
403	Nguyễn Thảo	Phương	THV010523	4	27.25	1.5	29.25
404	Lê Thái	Anh	THV000278	4	27.25	1.5	29.25
405	Phạm Quốc	Anh	SPH001347	3	29.25		29.25
406	Hoàng Hải	Ly	TND015644	3	27.25	1.5	29.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Hà Nhật	Thăng	TLA012742	3	29.25		29.25
408	Trần Minh	Anh	BKA000870	2	29.25		29.25
409	Nguyễn Thị Kim	Quý	HHA011590	2	27.25	1.5	29.25
410	Nguyễn Lan	Hương	SPH008306	2	29.25		29.25
411	Đặng Thị	Nhung	HDT018683	1	27.25	1.5	29.25
412	Bùi Thúy	Nương	LNH007085	4	24.50	3.5	29.17
413	Đoàn Thị Khánh	Hoà	KQH005130	4	28.50	0.5	29.17
414	Nghiêm Ngọc	ánh	HHA001120	4	28.50	0.5	29.17
415	Hứa Thị Thảo	Ly	TND015641	4	24.50	3.5	29.17
416	Nguyễn ánh	Ngọc	HDT018011	4	28.50	0.5	29.17
417	Tô Thị Thanh	Thảo	TND023321	3	24.50	3.5	29.17
418	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	3	24.50	3.5	29.17
419	Nguyễn Thị Thùy	Trang	HVN011102	3	28.50	0.5	29.17
420	Nguyễn Anh	Hùng	THV005446	3	28.50	0.5	29.17
421	Trần Bùi Ngọc	Oanh	BKA010104	2	28.50	0.5	29.17
422	Ngô Thị	Thủy	SPH016579	4	27.75	1.0	29.08
423	Nguyễn Thị	Mai	YTB014017	4	27.75	1.0	29.08
424	Bùi Thị Hoàng	Yến	THV015553	4	27.75	1.0	29.08
425	Nguyễn Thị Phương	Anh	HDT001163	4	27.75	1.0	29.08
426	Phạm Nhật	Lệ	KHA005438	3	27.75	1.0	29.08
427	Bùi Thị Thúy	An	TDV000032	3	25.75	2.5	29.08
428	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006049	3	27.75	1.0	29.08
429	Nguyễn Thị	Linh	HDT014490	3	27.75	1.0	29.08
430	Đặng Thị	Hằng	YTB006931	3	27.75	1.0	29.08
431	Nguyễn Thị Tú	Uyên	HDT029358	4	27.00	1.5	29.00
432	Phạm Ngọc	Hà	HHA003858	4	29.00		29.00
433	Trịnh Hoài	Đức	TND005702	4	27.00	1.5	29.00
434	Nguyễn Kim	Anh	LNH000323	4	27.00	1.5	29.00
435	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	THV010938	4	27.00	1.5	29.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Đàm Nhật	Linh	KHA005549	4	29.00		29.00
437	Phạm Trà	Giang	HHA003562	4	29.00		29.00
438	Phạm Thị	Nga	HHA009767	4	29.00		29.00
439	Bùi Thu	Thủy	THV012997	3	27.00	1.5	29.00
440	Nguyễn Phương	Linh	BKA007595	3	29.00		29.00
441	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	HDT030383	3	27.00	1.5	29.00
442	Nguyễn Nhật	Linh	TLA008002	2	29.00		29.00
443	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TLA012577	2	29.00		29.00
444	Nguyễn Phương	Huyền	BKA006004	2	29.00		29.00
445	Nguyễn Bảo	Linh	KHA005504	2	29.00		29.00
446	Tạ Hoàng	An	TLA000073	2	29.00		29.00
447	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên	SPH012748	1	29.00		29.00
448	Nguyễn Hà	Thủy	SPH016585	1	29.00		29.00
449	Lê Thị Thanh	Hằng	THV004031	1	27.00	1.5	29.00
450	Bế Ngọc	ánh	TND001235	4	24.25	3.5	28.92
451	Nguyễn Minh	Khanh	BKA006686	3	28.25	0.5	28.92
452	Nguyễn Thị Thu	Nga	KQH009562	3	28.25	0.5	28.92
453	Đoàn Thị Ngọc	Trâm	HDT027320	3	28.25	0.5	28.92
454	Dương Khánh	Linh	YTB012392	3	28.25	0.5	28.92
455	Nguyễn Đức	Anh	HVN000296	2	28.25	0.5	28.92
456	Nguyễn Thị Minh	Tú	HVN011581	4	27.50	1.0	28.83
457	Nguyễn Thị	Thủy	HVN010311	4	27.50	1.0	28.83
458	Ngô Thị	Nhàn	BKA009759	4	27.50	1.0	28.83
459	Đỗ Thị	Hằng	HDT007761	3	27.50	1.0	28.83
460	Phạm Thị Mỹ	Linh	KHA005871	3	27.50	1.0	28.83
461	Phạm Thị Trang	Thu	YTB020964	2	27.50	1.0	28.83
462	Tống Thị	Chinh	TND002555	3	26.75	1.5	28.75
463	Ngô Thị Linh	Huyền	HHA006315	3	26.75	1.5	28.75
464	Đỗ Thị	Vân	TND029031	2	26.75	1.5	28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

Trang 17

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Nguyễn Đức	Tú	TLA014755	2	28.75		28.75
466	Nguyễn Hoàng	Hiếu	SPH006304	2	28.75		28.75
467	Tạ Ngọc Bảo	Thư	TQU005549	2	26.75	1.5	28.75
468	Chu Sơn	Nguyên	HHA010273	1	28.75		28.75
469	Nguyễn Phương	Anh	TND000683	4	28.00	0.5	28.67
470	Tống Thị Hương	Giang	TND006011	4	28.00	0.5	28.67
471	Trần Thị Huyền	Trâm	TDV033324	3	28.00	0.5	28.67
472	Võ Thị Ngọc	Loan	TDV017618	3	28.00	0.5	28.67
473	Nguyễn Ngọc	Anh	YTB000683	3	28.00	0.5	28.67
474	Kiều Thị Mai	Anh	KQH000222	2	28.00	0.5	28.67
475	Trịnh Hồng	Vân	HDT029662	1	28.00	0.5	28.67
476	Bùi Thị Ngọc	Anh	YTB000153	4	27.25	1.0	28.58
477	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	SPH012752	3	27.25	1.0	28.58
478	Nguyễn Tiến	Đạt	YTB004791	2	27.25	1.0	28.58
479	Nguyễn Thị Thảo	Phương	TTB004914	4	26.50	1.5	28.50
480	Nguyễn Thị Anh	Thư	HHA013974	4	28.50		28.50
481	Vũ Thị Minh	Hằng	TQU001666	3	26.50	1.5	28.50
482	Lê Thị Phương	Linh	TTB003488	3	26.50	1.5	28.50
483	Nguyễn Phương	Anh	BKA000546	2	28.50		28.50
484	Trương Diệu	Linh	TLA008328	2	28.50		28.50
485	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005911	1	26.50	1.5	28.50
486	Lê Thị Hồng	Xoan	TDV036622	4	27.75	0.5	28.42
487	Bùi Thị Hà	Trang	HHA014388	4	27.75	0.5	28.42
488	Đoàn Lan	Anh	KQH000174	4	27.75	0.5	28.42
489	Nguyễn Thanh	Quý	KQH011380	3	27.75	0.5	28.42
490	Mai Hồng	Minh	HDT016577	3	27.75	0.5	28.42
491	Đinh Thị	Hài	THP004052	3	27.75	0.5	28.42
492	Đào Thị Thanh	Nga	HHA009701	2	27.75	0.5	28.42
493	Ngô Thị Minh	Thúy	YTB021515	2	27.75	0.5	28.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Nguyễn Thanh	Thư	HDT025355	2	27.75	0.5	28.42
495	Vũ Thị Minh	Hằng	YTB007203	4	27.00	1.0	28.33
496	Dương Thị	Hằng	SPH005525	4	27.00	1.0	28.33
497	Lã Thị Kim	Dung	KQH002036	4	27.00	1.0	28.33
498	Lê Thị	Giang	HDT006294	3	27.00	1.0	28.33
499	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006071	3	27.00	1.0	28.33
500	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018328	3	27.00	1.0	28.33
501	Nguyễn Thị Lam	Hoa	TND008799	4	26.25	1.5	28.25
502	Lê Đình	Hiệp	TLA004967	4	28.25		28.25
503	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	4	26.25	1.5	28.25
504	Nguyễn Quang	Thịnh	TND024009	3	26.25	1.5	28.25
505	Nguyễn Phương	Trinh	SPH017987	3	28.25		28.25
506	Nguyễn Thị Trung	Anh	BKA000639	3	28.25		28.25
507	Phùng Thị Ngọc	Trinh	SPH018000	3	28.25		28.25
508	Tạ Trần Thu	Hiền	TQU001742	3	26.25	1.5	28.25
509	Hoàng Chi	Linh	THV007377	2	26.25	1.5	28.25
510	Đỗ Thị Linh	Trang	SPH017310	2	28.25		28.25
511	Bùi Thị	Giang	DCN002642	4	23.50	3.5	28.17
512	Phạm Thị Thu	Trang	TND026670	4	27.50	0.5	28.17
513	Phan Thùy	Nhung	KQH010367	3	27.50	0.5	28.17
514	Nguyễn Hồng	Hạnh	THV003877	3	27.50	0.5	28.17
515	Phạm Thị Hồng	Nhung	HDT018961	3	23.50	3.5	28.17
516	Trần Thu	Hà	THV003635	3	27.50	0.5	28.17
517	Nguyễn Thị Kim	Anh	DHU000557	1	27.50	0.5	28.17
518	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KQH014548	3	26.75	1.0	28.08
519	Đặng Thị Thủy	Tiên	THP014689	2	26.75	1.0	28.08
520	Đặng Thị	Hường	BKA006562	2	26.75	1.0	28.08
521	Đào Thị Lan	Anh	YTB000304	2	26.75	1.0	28.08
522	Trịnh Thị	Tuyến	BKA014634	2	26.75	1.0	28.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Đỗ Duy	Khánh	HHA007171	4	28.00		28.00
524	Nguyễn Phan Mỹ	Anh	HHA000540	4	28.00		28.00
525	Lê Thị Thảo	Linh	BKA007469	3	28.00		28.00
526	Trần Thị Hà	Phương	THP011725	2	28.00		28.00
527	Nguyễn Việt	Lãm	TQU002909	1	26.00	1.5	28.00
528	Nguyễn Phương	Trang	TLA014066	1	28.00		28.00
529	Lê Thị Hương	Giang	SPH004513	4	27.25	0.5	27.92
530	Kiều Phương	Linh	DCN006281	4	27.25	0.5	27.92
531	Chu Liên	Thương	TTB006484	3	23.25	3.5	27.92
532	Sầm Thị Diệu	Sương	TDV026589	3	23.25	3.5	27.92
533	Vũ Gia	Khiêm	DCN005712	3	27.25	0.5	27.92
534	Đặng Đình Anh	Đức	YTB005231	2	27.25	0.5	27.92
535	Đỗ Thị Minh	Thu	HHA013514	2	27.25	0.5	27.92
536	Hứa Thị	Thùy	THV012959	1	23.25	3.5	27.92
537	Nguyễn Thị Châu	Anh	HHA000574	1	27.25	0.5	27.92
538	Quyển Thị Thúy	Nga	BKA009190	1	27.25	0.5	27.92
539	Lê Phương	Thảo	YTB019704	4	26.50	1.0	27.83
540	Nguyễn Phương	Anh	YTB000714	4	26.50	1.0	27.83
541	Phan Thị	Phương	BKA010481	3	26.50	1.0	27.83
542	Phạm Khắc	Điệp	YTB005000	3	26.50	1.0	27.83
543	Bế Phương	Linh	TLA007593	3	26.50	1.0	27.83
544	Nguyễn Thị	Thu	HVN010121	2	26.50	1.0	27.83
545	Nguyễn Thị Nhật	Linh	HDT014571	1	26.50	1.0	27.83
546	Phạm Thu	Trang	HHA014774	4	25.75	1.5	27.75
547	Trần Thị Lệ	Quyên	NLS010028	4	25.75	1.5	27.75
548	Nguyễn Hồng	Nhung	BKA009928	3	27.75		27.75
549	Dương Thị Thanh	Mai	THV008356	3	25.75	1.5	27.75
550	Nguyễn Thị Phương	Linh	HHA008112	3	27.75		27.75
551	Trần Hà	Phương	HHA011266	2	27.75		27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Lương Mỹ	Duyên	SPH003487	2	27.75		27.75
553	Dương Đức	Anh	BKA000119	2	27.75		27.75
554	Bùi Thu	Hằng	TLA004528	1	27.75		27.75
555	Nguyễn Phương	Ly	TLA008796	1	27.75		27.75
556	Nguyễn Thị	Hường	TND012187	1	25.75	1.5	27.75
557	Trịnh Thị Phương	Anh	HDT020299	4	27.00	0.5	27.67
558	Vi Thị Kim	Ngân	THV009296	4	27.00	0.5	27.67
559	Đỗ Thị Ngọc	Linh	BKA007354	3	27.00	0.5	27.67
560	Đào Thị Ngọc	Ngà	HHA009794	2	27.00	0.5	27.67
561	Đinh Hoàng Thùy	Linh	TQU003083	1	23.00	3.5	27.67
562	Nguyễn Thị Trà	My	HVN006951	2	26.25	1.0	27.58
563	Lại Thị Nhật	Anh	TND000506	2	26.25	1.0	27.58
564	Nguyễn Ngọc Tố	Anh	THP000474	1	26.25	1.0	27.58
565	Lê Thị Thu	Hoài	TDV011294	4	25.50	1.5	27.50
566	Tống Văn	Tài	HDT022074	4	25.50	1.5	27.50
567	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	SPH009919	3	27.50		27.50
568	Bùi Lan	Phương	KHA007884	3	27.50		27.50
569	Doãn Thúy	Hằng	TLA004532	2	27.50		27.50
570	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	TDV033267	2	25.50	1.5	27.50
571	Đồng Thị Lan	Anh	THP000240	2	25.50	1.5	27.50
572	Chu Quỳnh	Chi	BKA001514	2	27.50		27.50
573	Lý Thị Ngọc	Trâm	TND026831	4	22.75	3.5	27.42
574	Lê Ngọc	Nhung	HVN007791	4	26.75	0.5	27.42
575	Hoàng Thị	Hằng	TND007292	4	22.75	3.5	27.42
576	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	HDT018034	4	26.75	0.5	27.42
577	Tạ Thị	Nga	HDT017518	3	26.75	0.5	27.42
578	Trần Thị Thuỳ	Anh	YTB001313	3	26.75	0.5	27.42
579	Mạc Kim	Chi	TND002257	1	22.75	3.5	27.42
580	Dương Mạnh	Cường	THV001736	1	22.75	3.5	27.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Phạm Thị Thương	Thương	TTB006514	1	22.75	3.5	27.42
582	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	4	26.00	1.0	27.33
583	Nguyễn Thị	Linh	TDV016826	4	26.00	1.0	27.33
584	Lê Thị	Hoan	TLA005465	3	26.00	1.0	27.33
585	Lê Thị	Nhâm	TLA010380	3	26.00	1.0	27.33
586	Nguyễn Thị	Bích	HDT002091	3	26.00	1.0	27.33
587	Phạm Thị	Hường	YTB011083	2	26.00	1.0	27.33
588	Thịnh Thái	Thảo	SPH015812	4	27.25		27.25
589	Lê Đức	Mạnh	BKA008509	3	27.25		27.25
590	Nguyễn Thị Minh	Huyền	SPH007875	3	27.25		27.25
591	Phạm Hồng	Loan	TLA008406	3	25.25	1.5	27.25
592	Nguyễn Thu	Huyền	HHA006421	2	27.25		27.25
593	Lương Mỹ	Linh	SPH009648	2	27.25		27.25
594	Nguyễn Thu	Trang	SPH017686	2	27.25		27.25
595	Nguyễn Hạnh	Uyên	SPH019147	1	27.25		27.25
596	Nguyễn Thị	Linh	LNH005370	4	26.50	0.5	27.17
597	Nguyễn Thị Minh	Nhật	TND018640	4	26.50	0.5	27.17
598	Trần Khánh	Linh	TLA008251	4	26.50	0.5	27.17
599	Phan Lê	Bình	TND001919	4	26.50	0.5	27.17
600	Hoàng Ngọc	Chi	TND002224	4	22.50	3.5	27.17
601	Nguyễn Thanh	Mai	LNH005973	4	26.50	0.5	27.17
602	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	SPH017616	4	26.50	0.5	27.17
603	Phạm Thị Thanh	Nguyệt	SPH012840	3	26.50	0.5	27.17
604	Dương Thị Mỹ	Linh	HDT013796	3	26.50	0.5	27.17
605	Hà Thị Minh	Phương	YTB017212	3	26.50	0.5	27.17
606	Nguyễn Thị Thanh	Hà	BKA003702	2	26.50	0.5	27.17
607	Nông Hoàng	Như	TND019104	2	22.50	3.5	27.17
608	Bùi Thị Ngọc	Trâm	HDT027311	4	25.75	1.0	27.08
609	Nguyễn Thị	Tuyền	SPH018992	3	25.75	1.0	27.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Phan Thị Thu	Hảo	TLA004517	3	25.75	1.0	27.08
611	Nguyễn Thị Vân	Huyền	KQH006295	2	25.75	1.0	27.08
612	Hồ Minh	Anh	SPH000347	3	27.00		27.00
613	Phạm Huyền	Cơ	TLA002178	3	27.00		27.00
614	Trần Hương	Giang	DCN002754	4	26.25	0.5	26.92
615	Nguyễn Vũ Thảo	Linh	YTB012920	3	26.25	0.5	26.92
616	Nguyễn Minh	Diễm	HVN001527	3	26.25	0.5	26.92
617	Giáp Thị Hồng	Thanh	TND022416	3	26.25	0.5	26.92
618	Trịnh Thị Tuyết	Mai	HDT016182	3	25.50	1.0	26.83
619	Vũ Hoàng	Long	THP008850	3	25.50	1.0	26.83
620	Trần Văn	Phúc	HDT019575	2	25.50	1.0	26.83
621	Lê Thảo	Nhi	HHA010455	4	24.75	1.5	26.75
622	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	4	24.75	1.5	26.75
623	Hồ Nam	Sơn	THV011404	3	24.75	1.5	26.75
624	Đào Mai	Hương	BKA006352	3	24.75	1.5	26.75
625	Nguyễn Tiến	Đạt	BKA002867	4	26.00	0.5	26.67
626	Đỗ Thị Thanh	Huyền	SPH007696	3	26.00	0.5	26.67
627	Mai Thục	Anh	HDT000865	2	26.00	0.5	26.67
628	Phạm Thị	ánh	YTB001658	4	25.25	1.0	26.58
629	Vũ Thị	Ngọc	THP010524	4	25.25	1.0	26.58
630	Trần Thị	Diệu	KHA001593	4	25.25	1.0	26.58
631	Nguyễn Thị	Mỹ	HVN006967	4	25.25	1.0	26.58
632	Vũ Thị Thuỳ	Dương	YTB004488	3	25.25	1.0	26.58
633	Phạm Thị	Hương	YTB010837	2	25.25	1.0	26.58
634	Nguyễn Tùng	Anh	SPH001209	3	26.50		26.50
635	Nguyễn Thùy	Linh	LNH005432	3	24.50	1.5	26.50
636	Lê Trần Thu	Uyên	SPH019144	2	26.50		26.50
637	Nguyễn Thùy	Dung	TND003779	1	24.50	1.5	26.50
638	Vũ Thị	Hiền	DCN003795	1	24.50	1.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Phạm Thị Như	Quỳnh	BKA011118	4	25.75	0.5	26.42
640	Nguyễn Thu	Hiền	HHA004642	3	25.75	0.5	26.42
641	Dương Hoàn	Yến	YTB025657	2	25.75	0.5	26.42
642	Nguyễn Thị Hoài	Thương	TDV031055	2	25.75	0.5	26.42
643	Bùi Thị ánh	Ngọc	YTB015566	2	25.75	0.5	26.42
644	Hà Huy	Quyên	THP012209	4	25.00	1.0	26.33
645	Trần Thị Thùy	Trang	YTB023124	3	25.00	1.0	26.33
646	Mai Thị Thúy	Hà	BKA003663	2	25.00	1.0	26.33
647	Lê Thị Thu	Hằng	HHA004348	1	25.00	1.0	26.33
648	Lại Thu	Trang	TLA014006	4	24.25	1.5	26.25
649	Lê Thị Bích	Diệp	HDT003606	4	24.25	1.5	26.25
650	Nguyễn Thị	Trà	SPH017235	2	26.25		26.25
651	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	TDV016929	4	25.50	0.5	26.17
652	Nguyễn Thị Minh	Anh	HDT001116	4	25.50	0.5	26.17
653	Lê Thị Mỹ	Hạnh	THP004261	4	25.50	0.5	26.17
654	Phạm Thị Hồng	Duyên	SPH003518	3	25.50	0.5	26.17
655	Nguyễn Hà	Phương	TDV023906	4	24.75	1.0	26.08
656	Nguyễn Thị Vân	Anh	BKA000642	2	24.75	1.0	26.08
657	Phùng Mạnh	Cường	KHA001490	4	25.25	0.5	25.92
658	Nguyễn Minh	Nguyệt	LNH006806	3	21.25	3.5	25.92
659	Bùi Thu	Trang	LNH009653	2	21.25	3.5	25.92
660	Hoàng Quốc	Việt	KQH016170	3	24.50	1.0	25.83
661	Trần Thị Hà	Phương	SPH013865	4	25.75		25.75
662	Vũ Minh	Nguyệt	BKA009733	3	25.75		25.75
663	Hồ Ngọc Bích	Phương	HHA011075	2	23.75	1.5	25.75
664	Nguyễn Tường	Vi	SPH019349	1	25.75		25.75
665	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	4	21.00	3.5	25.67
666	Hoàng Thị	Hường	KQH006851	4	21.00	3.5	25.67
667	Nguyễn Thùy	Tiên	TND025492	4	25.00	0.5	25.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Vũ Thị	Thảo	BKA012056	3	25.00	0.5	25.67
669	Lò Văn	Thủy	TTB006374	3	21.00	3.5	25.67
670	Hoàng Thị Thùy	Vân	HHA016059	3	25.50		25.50
671	Trần Thị Minh	Tuyến	SPH019031	2	25.50		25.50
672	Hoàng	Hiệp	LNH003234	1	23.50	1.5	25.50
673	Nguyễn Thị	Thìn	THP013840	3	24.75	0.5	25.42
674	Hoàng Ngọc	Chi	TND002326	3	24.75	0.5	25.42
675	Ngô Thị Kim	Chi	TLA001872	2	24.75	0.5	25.42
676	Đoàn Mỹ	Hạnh	HHA004179	2	24.75	0.5	25.42
677	Chu Nhật	Lệ	TND013651	1	23.25	1.5	25.25
678	Đoàn Thị Huệ	Anh	SPH000331	4	24.50	0.5	25.17
679	Nguyễn Hồng	Nhung	TND018908	4	20.50	3.5	25.17
680	Nguyễn Thị Thu	Hiền	THP004853	4	24.50	0.5	25.17
681	Nguyễn Huyền	Trang	HDT026719	4	24.50	0.5	25.17
682	Lương Thị Linh	Chi	HDT002535	3	20.50	3.5	25.17
683	Hoàng Hồng	Sinh	SPH014677	4	23.75	1.0	25.08
684	Nông Thị	Vìn	TND029364	4	20.25	3.5	24.92
685	Vũ Hà	Nhi	KHA007504	4	24.25	0.5	24.92
686	Nông Thị	Xâm	TND029728	4	20.25	3.5	24.92
687	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	HDT026824	4	24.25	0.5	24.92
688	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	4	20.25	3.5	24.92
689	Nguyễn Thị	Thành	LNH008353	1	24.25	0.5	24.92
690	Đỗ Thị	Thiện	HDT023973	4	23.50	1.0	24.83
691	Nguyễn Thị Hải	Yến	YTB025772	4	23.50	1.0	24.83
692	Lê Thu	Hà	HDT006724	3	23.50	1.0	24.83
693	Nguyễn Ngọc	Huyền	KHA004543	1	24.75		24.75
694	Lê Hồng	Tuấn	HDT028221	4	24.00	0.5	24.67
695	Đỗ Thị	Quỳnh	BKA011028	2	23.25	1.0	24.58
696	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	4	22.50	1.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Nguyễn Thị Phương	Hoa	TND008807	3	22.50	1.5	24.50
698	Hoàng Thị Thanh	Mai	TND015935	3	22.50	1.5	24.50
699	Bùi Hoàng	Tiến	TLA013624	1	24.50		24.50
700	Hoàng Linh	Đan	HHA002851	4	23.75	0.5	24.42
701	Lầu Thị	Báu	TTB000350	1	19.75	3.5	24.42
702	Nguyễn Thị	Mai	HVN006605	4	23.00	1.0	24.33
703	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	3	23.00	1.0	24.33
704	Nguyễn Thị	Hội	LNH003779	4	22.25	1.5	24.25
705	Đặng Thị Hồng	Nhung	TND018808	2	22.25	1.5	24.25
706	Nguyễn Thị Anh	Thư	LNH009324	1	22.25	1.5	24.25
707	Trần Minh	Hằng	KHA003290	1	23.50	0.5	24.17
708	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	4	22.00	1.5	24.00
709	Phạm Thị Tuyết	Hoa	THV004777	1	22.00	1.5	24.00
710	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	4	19.25	3.5	23.92
711	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	4	23.25	0.5	23.92
712	Lường Thị	Lan	TTB003316	1	19.25	3.5	23.92
713	Nguyễn Minh	Đức	THV003055	1	23.25	0.5	23.92
714	Đậu Thị Quỳnh	Chi	TDV002882	1	23.25	0.5	23.92
715	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	4	22.50	1.0	23.83
716	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	TDV009240	3	22.50	1.0	23.83
717	Nguyễn Thị	Thuỷ	TND024611	4	21.75	1.5	23.75
718	Đỗ Thị Minh	Thu	TLA013130	3	23.75		23.75
719	Nguyễn Thị	Huyền	TTB002829	1	21.75	1.5	23.75
720	Vũ Tiến	Hùng	THV006098	1	21.75	1.5	23.75
721	Đào Huyền	My	TND016779	4	23.00	0.5	23.67
722	Hà Thúy	Hằng	SPH005548	4	23.00	0.5	23.67
723	Nguyễn Thị Huyền	Trang	YTB022768	3	23.00	0.5	23.67
724	Trịnh Thị	Chinh	KHA001266	4	22.25	1.0	23.58
725	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	3	22.25	1.0	23.58

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Đào Anh	Quỳnh	THV011035	4	21.50	1.5	23.50
727	Bùi Thu	Thủy	HVN010237	2	23.50		23.50
728	Nguyễn Hồng	Diệp	TND005166	4	18.75	3.5	23.42
729	Bùi Yến	Chi	THP001482	4	22.00	1.0	23.33
730	Ngô Thị Hồng	Nhung	TDV022385	4	21.75	1.0	23.08
731	Trần Thị Bích	Hạnh	YTB006734	1	21.75	1.0	23.08
732	Vũ Thị Thu	Trang	NLS013364	4	21.00	1.5	23.00
733	Phạm Hương	Thảo	TLA012638	3	23.00		23.00
734	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	4	18.25	3.5	22.92
735	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	3	22.25	0.5	22.92
736	Trần Thị Ngọc	Anh	BKA000925	2	22.25	0.5	22.92
737	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	4	21.50	1.0	22.83
738	Nguyễn Bình	Dương	TTB001355	3	20.75	1.5	22.75
739	Chăng Kiều	Hoài	TQU001983	4	18.00	3.5	22.67
740	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	TND008803	4	22.00	0.5	22.67
741	Trần Thị	Giang	TDV007480	4	22.00	0.5	22.67
742	Phàn Mấy	Lẫy	DCN005972	2	18.00	3.5	22.67
743	Phạm Thị Hà	Trang	YTB022998	4	21.25	1.0	22.58
744	Chu Thị Thục	Anh	YTB000193	4	21.25	1.0	22.58
745	Nguyễn Thị Kim	Thoan	TLA013090	4	21.25	1.0	22.58
746	Trần Thị Trà	Giang	TDV007503	4	21.25	1.0	22.58
747	Trương Thị Hồng	Mai	YTB014137	1	21.25	1.0	22.58
748	Phạm Văn	Tú	THP015915	1	21.25	1.0	22.58
749	Đỗ Thu	Hoài	THV004886	3	17.75	3.5	22.42
750	Nguyễn Thị	Thu	YTB020925	4	21.00	1.0	22.33
751	Nguyễn Thị	Nga	SPH012172	2	21.00	1.0	22.33
752	Đoàn Diễm	My	TLA009384	1	22.25		22.25
753	Bàn Kiều Phương	Chinh	HDT002702	1	17.50	3.5	22.17
754	Đào Thị	Duyên	TDV005229	2	20.75	1.0	22.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Đỗ Thu	Thủy	KHA009775	4	22.00		22.00
756	Đỗ Thị Kiều	Anh	TLA000218	1	22.00		22.00
757	Nông Thị	Bốn	TND001954	3	17.25	3.5	21.92
758	Vũ Nguyễn Nhật	Minh	HVN006894	1	21.25	0.5	21.92
759	Vương Thị Khánh	Huyền	THP006756	4	20.50	1.0	21.83
760	Nguyễn Hồng	Anh	THP000433	4	20.50	1.0	21.83
761	Nguyễn Thị Phương	An	HVN000021	3	20.50	1.0	21.83
762	Trần Thanh	Loan	SPH010277	3	19.75	1.5	21.75
763	Vương Thị Thu	Phương	THV010598	2	19.75	1.5	21.75
764	Nông Thị Minh	Thu	TND024423	1	17.00	3.5	21.67
765	Trần Thị	Hà	HDT006976	4	20.25	1.0	21.58
766	Tự Thị Mỹ	Linh	THP008529	1	20.25	1.0	21.58
767	Bùi Thị	Thảo	DCN010163	2	16.75	3.5	21.42
768	Đào Thị	Thu	HVN010083	4	20.00	1.0	21.33
769	Nhâm Thị	Ngân	YTB015402	2	19.75	1.0	21.08
770	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	4	19.00	1.5	21.00
771	Trần Đức Trọng	Đạt	HVN002179	3	20.25	0.5	20.92
772	Lê Thu	Thảo	YTB019721	1	19.50	1.0	20.83
773	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	4	18.75	1.5	20.75
774	Trần Thị	Phượng	HHA011396	4	16.00	3.5	20.67
775	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016405	2	19.00	1.0	20.33
776	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	4	15.50	3.5	20.17
777	Lê Thị	Trang	TLA013996	4	18.75	1.0	20.08
778	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	4	15.25	3.5	19.92
779	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	4	17.75	1.5	19.75
780	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	HVN008861	4	19.00	0.5	19.67
781	Vũ Thị	ánh	TND001455	1	17.00	1.5	19.00
782	Trần Thị	Hường	THP006773	2	17.50	1.0	18.83
783	Thào A	Tăng	TTB005526	4	13.75	3.5	18.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

Trang 28

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	4	16.50	1.0	17.83
785	Đỗ Anh	Đức	BKA003138	4	16.50	1.0	17.83
786	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	4	16.25	1.0	17.58
787	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	4	15.50	1.5	17.50
788	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	4	15.00	1.5	17.00
789	Phạm Thị Hoài	Thu	HDT024494	4	14.50	1.5	16.50

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU